

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
KHOÁ VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Xét Tờ trình số 7553 /TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết "Quy định một số chính  
sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư  
thục ở địa bàn có khu công nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế"; Báo cáo thẩm  
tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân  
dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động; trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; giáo viên mầm non làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

b) Trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định, có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

c) Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện theo khoản 1, Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 2. Chính sách hỗ trợ**

1. Cơ sở giáo dục mầm non quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần với mức hỗ trợ là 30.000.000 đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

2. Trẻ em được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng.

Thời gian hỗ trợ theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

3. Giáo viên mầm non đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 800.000 đồng/tháng.

Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực được hưởng hỗ trợ tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học. Trường hợp dạy dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính ½ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

### **Điều 3. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết do ngân sách tỉnh bảo đảm và được cân đối trong dự toán chi ngân sách sự nghiệp giáo dục, đào tạo hàng năm của các địa phương.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất thông qua ngày 26 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2021./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các bộ: GD&ĐT; Tài chính;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Trường Lưu**